TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25/01/2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hiền Lũy

Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Chu Mạnh Tường
2/ Bà Nguyễn Thị Quý

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nguyên Hà, Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 25/01/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 817/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/01/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1986.
Địa chỉ: số nhà 247/18 đường M, Khu phố N, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1982
Địa chỉ: số nhà 74/26/3 Đường số V, Khu phố X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 8 năm 2017 và lời trình bày của bà Nguyễn Thị Minh T:

Bà và ông Nguyễn Văn Q đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện H, tỉnh Lâm Đồng vào năm 2012.

Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, ông Q thiếu sự quan tâm chăm sóc đối với gia đình. Tháng 6 năm 2017, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, ông Q đe doạ làm bà lo sợ, ảnh hưởng tinh thần nên bà đã tách ra sống

riêng. Do vợ chồng không tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông Nguyễn Văn Q.

Con chung: có một con chung tên Nguyễn K, sinh ngày 13/8/2014, hiện con sống chung với bà. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu ông Q thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 18 tháng 8 năm 2017 và lời trình bày của ông Nguyễn Văn Q:

Xác nhận thời gian kết hôn đúng như bà T trình bày. Theo ông, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc, thỉnh thoảng có bất hoà do suy nghĩ và ý kiến không đồng thuận. Vợ chồng ông sống nhờ nhà cha mẹ vợ nên em vợ xem thường ông, bà T không thông cảm, chia sẻ với ông những tổn thương nên ông bức xúc đã có những lời lẽ đe doạ và thái độ xử sự không đúng làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Bà T đã tách ra sống riêng từ tháng 7/2017 và không tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm, trở về đoàn tụ gia đình. Ông vẫn còn tình cảm yêu thương bà T nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: đúng như bà T đã trình bày, hiện bà T đang nuôi con nhưng không cho ông biết chỗ ở, không tạo điều kiện cho ông chăm sóc con. Ông yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị Minh T được ly hôn ông Nguyễn Văn Q. Giao con chung Nguyễn K, sinh ngày 13/8/2014 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

Bị đơn cư trú tại quận Thủ Đức nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: xét, bà Nguyễn Thị Minh T và ông Nguyễn Văn Q có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Đ, huyện H, tỉnh L, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21/2012 ngày 04/9/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Q là hợp pháp.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Minh T và ông Nguyễn Văn Q đã xảy ra những mâu thuẫn do ông Q có những lời lẽ và hành động đe doạ đối với bà T, cách xử sự của ông Q không phù hợp đã làm tổn thương tình cảm vợ chồng. Đến nay ông Q cho rằng sẽ khắc phục những thiếu sót nhưng không được bà T chấp nhận, bà T xác định vợ chồng không còn gắn bó trách nhiệm đối với nhau và bà không còn tình cảm yêu thương ông Q. Ông Q mong muốn đoàn tụ gia đình nhưng trong thời gian qua không tạo được niềm tin đối với bà T. Do đó yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ lời khai của đương sự và bản sao giấy khai sinh do Uỷ ban nhân dân phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp có đủ căn cứ xác định bà T và ông Q có một con chung tên Nguyễn K, sinh ngày 13/8/2014. Hiện bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà T và ông Q cùng có yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, mặc dù cả hai đều có đủ điều kiện nuôi con nhưng việc quyết định giao con cho ai nuôi Hội đồng xét xử phải xem xét bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con. Xét hiện tại con đang ở với bà T, được chăm sóc tốt và bà T đủ điều kiện về thời gian chăm sóc con. Con còn nhỏ và đang gắn bó tình cảm với mẹ nên nếu tách con ra sống với ông Q sẽ làm ảnh hưởng về tâm lý. Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi của con cũng như sự ổn định về tinh thần, tâm lý của con nên giao con cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: bà T không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Tài sản chung: không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, đúng quy định.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 1 Điều 56; Điều 57 và Điều 81; Điều 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật phí và lệ phí;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Minh T;

Bà Nguyễn Thị Minh T được ly hôn ông Nguyễn Văn Q.

2. Con chung: Giao con chung Nguyễn K (nam), sinh ngày 13/8/2014 cho bà Nguyễn Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Văn Q được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

3. Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu án phí ly hôn 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015930 ngày 09/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (bà T đã nộp đủ án phí).

5. Quyền và thời hạn kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- CCTHADS Q.Thủ Đức;
- UBND thị trấn Đ, huyện H, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Cao Thị Hiền Lũy